

tuyên chiến, quyền trưng dụng về binh, thành lập và cai trị quận Columbia và các tài sản thuộc Liên bang, quyền làm luật di trú và quốc tịch v.v...

**KHOẢN 9:** Những quyền lực mà Quốc hội bị cấm. Liệt kê một số các quyền hạn thuộc tiểu bang. Tu chính án 16 đã thay đổi ít nhiều nội dung của khoản này. Khoản 9 có điểm đặc biệt là Hiến pháp cấm Quốc hội không được thông qua các đạo luật để thiết lập danh hiệu quý tộc ở nước Mỹ và can thiệp vào việc buôn bán nô lệ trước năm 1808.

**KHOẢN 10:** Những quyền hạn mà Tiểu bang bị cấm. Khoản này liệt kê một số quyền hạn mà Tiểu bang bị cấm hành xử như:

Quyền ký kết các hiệp ước với quốc gia khác, quyền phát hành tiền tệ, thiết lập danh hiệu quý tộc v.v...

Tiểu bang cũng không được thiết lập các sắc thuế xuất nhập khẩu nếu không có sự thỏa thuận của Quốc hội, không được quyền giữ quân đội và chiến hạm trong thời bình,

không được thương thuyết với ngoại quốc hoặc với tiểu bang khác khi không có sự ưng thuận của Quốc hội.

### III. NHẬN XÉT VỀ QUỐC HỘI

Hiến pháp Hoa Kỳ trao trọn quyền làm luật cho Quốc hội, chính quyền liên bang, tiểu bang và chính quyền địa phương đều cai trị theo luật, quyền hành của chính quyền các cấp đều có ranh giới là luật lệ, không ai được quyền vượt qua.

Giới hạn mà chính quyền các cấp phải chịu là do những đạo luật được Quốc hội lưỡng viện thông qua. Như vậy Quốc hội chính là cơ quan quyền lực cao nhất.

Quốc hội lưỡng viện của Mỹ không chỉ thu gọn vào chức năng làm luật mà còn thi hành những chức năng kiểm soát và bãi miễn một cách rất nghiêm chỉnh. Các Ủy ban chuyên môn và các buổi điều trần là những cơ chế để Quốc hội kiểm soát ngành hành pháp một cách hiệu quả.

Khác với chế độ Đại nghị

của Anh, Quốc hội Mỹ không có quyền đánh đổ nội các của Tổng thống và nội các cũng không cần Quốc hội tấn phong. Ngược lại, Tổng thống cũng không có quyền giải tán Quốc hội như Thủ tướng trong chế độ Đại nghị của Anh.

Chịu ảnh hưởng của trào lưu triết học của Châu Âu thời bấy giờ, những người soạn thảo Hiến pháp Mỹ đã chủ trương chia chính quyền thành 3 ngành riêng biệt để quyền hành không tập trung quá nhiều vào một chỗ. Tuy nhiên, trong quá trình thi hành các quyền trong thực tiễn vẫn có những sự lấn lướt nhau làm cho sự phân quyền chỉ còn ở hình thức. Để ngăn cản sự nảy sinh hiện tượng này, người ta áp dụng phương thức "quyền hạn ngăn cản quyền hạn" để tạo sự quân bình quyền lực giữa 3 ngành chính quyền, nhưng sự phân chia quyền lực không mấy móc đến độ làm tê liệt lẫn nhau.

Tổng thống là người đứng đầu ngành hành pháp nhưng vẫn có một số quyền hạn trong quá trình lập pháp như quyền

phủ quyết luật, quyền yêu cầu Quốc hội làm luật theo ý Tổng thống qua Thông điệp liên bang mà Tổng thống gửi Quốc hội lưỡng viện hàng năm.

Ngược lại, Quốc hội cũng có nhiều điều kiện để kiểm soát hành động của chính phủ, với quyền bãi miễn của Quốc hội. Tổng thống luôn luôn phải e dè và thận trọng trong các hành động của mình để xem nó có vượt ràng ngoài Hiến pháp hay không.

So với Dệ tứ Cộng hòa Pháp, thì sinh hoạt chính trị của Mỹ ổn định hơn, không có những khủng hoảng chính trị kéo dài.

Tư tưởng dân chủ của bản Hiến pháp Mỹ 1791, tuy vậy vẫn còn nhiều hạn chế và thô sơ.

Một dịp sau chúng ta sẽ bàn đến những vấn đề đó.

Kỷ sau: PHẠM TÍCH ĐIỀU II VÀ III VỀ HÀNH PHÁP VÀ TƯ PHÁP.

(\*) Tiếp theo bài TÌM HIỂU HIẾN PHÁP HOA KỲ PTKT số 15, tháng 12.1991.

## THÀNH TỰU VÀ CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP: KINH NGHIỆM CỦA THÁI LAN VÀ MALAYSIA

DƯƠNG TẤN PHONG

Thái Lan và Malaysia đã xác định chiến lược và chính sách phát triển kinh tế theo hướng mở ra bên ngoài. Chính nhờ hướng đó, hai nước này đã nhanh chóng trở thành những nước có nhịp độ phát triển kinh tế cao. Cũng có lẽ, chính vì thế mà Bangkok trước những năm 70 không thể so sánh với Sài Gòn - Hồ Ngọc Viễn đông, mà nay nó đã vượt xa Thành phố chúng ta trên nhiều mặt. Kinh nghiệm của họ đã được nhiều nước Đông Nam Á khác nghiên cứu, học hỏi và bài học của họ cũng rất cần thiết đối với nước ta hiện nay.

**THÁI LAN.** Khoảng 1/4 tổng sản lượng nội địa (Produit intérieur brut - PIB) và khoảng 2/3 kim ngạch xuất khẩu là của khu vực công nghiệp chế biến, trong khi đó nông nghiệp đã cung cấp nguyên liệu cho

ngành này và vẫn còn là một ngành kinh tế chủ yếu.

Khu vực nông nghiệp Thái đã sử dụng gần 60% nhân công, cung cấp hơn 35% cho tổng kim ngạch xuất khẩu và chiếm 17% của PIB. Việc dự trữ, vận chuyển và bảo quản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp được xem là một nguồn bổ sung phục vụ ngành công nghiệp thực phẩm và giúp ngành này phát triển nhanh chóng.

Thái Lan là một trong những nước xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới: chiếm 1/3 lượng gạo xuất khẩu toàn thế giới, xuất khẩu bột khoai mì, cao su, hải sản, đường, gia cầm và dứa đóng hộp thuộc loại nhiều nhất thế giới. Nếu tính bằng giá trị, thì chỉ trong vòng những năm 80, tổng giá trị xuất khẩu của Thái Lan đã tăng

hơn 13% mỗi năm.

Trong vòng 10 năm trở lại đây, thủy sản cũng đã trở thành một ngành xuất khẩu quan trọng cùng với các loại nông sản khác: Thái Lan xuất khẩu cá thu đóng hộp đứng hàng đầu thế giới, chiếm gần 20% thị trường tôm tươi và tôm đông lạnh, có đội tàu đánh cá hùng hậu hàng thứ ba của châu Á.

Thủy hải sản xuất khẩu đã tăng 24% mỗi năm trong những năm 80 và hiện nay nó đảm bảo gần 10% tổng thu nhập của xuất khẩu. 20% giá trị nhập khẩu của nông nghiệp là nhập cá để chế biến thành cá đóng hộp xuất khẩu trở lại.

Gạo vẫn là loại lương thực dùng để ăn phổ biến và được tiêu thụ nhiều nhất ở nước này, đồng thời nó cũng là nguồn xuất khẩu quan trọng: đứng hàng thứ nhất trên thế giới.

Năm 1989 lúa chiếm 60% diện tích canh tác và 40% tổng giá trị các loại cây trồng, hơn 25% ngân sách lương thực - thực phẩm trung bình của một người dân Thái và gần 20% thị nhập quốc dân có được nhờ xuất khẩu nông sản.

Vì sao Thái Lan có được thành tựu như vậy?

- Trước hết phải kể đến chính sách thương mại. Nhằm giảm quyền Thái Lan đã giảm thuế xuất khẩu gạo từ 30% năm 1980 xuống chỉ còn 5% năm 1981, cũng như họ đã bãi bỏ hàng loạt các thứ thuế khác về xuất khẩu gạo vào năm 1986. Chính phủ Thái cũng đã phá giá đồng Bat (Bath) xuống 30% so với đồng dollar M trong những năm 80. Song song với chính sách giảm thuế xuất, nhà nước cũng có chính sách nhập khẩu như: giảm thuế

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 1

suất, nhà nước cũng có chính sách nhập khẩu như: giảm thuế nhập các loại tư liệu dùng sản xuất trong nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu...) làm cho chi phí sản xuất của nông dân giảm đi, kéo theo việc nông dân tăng cường thâm canh, tăng năng suất...

Cuối cùng, việc hủy bỏ các chế độ giấy phép xuất khẩu đã làm cải thiện tình hình cạnh tranh cho hướng có lợi hơn cho Thái Lan, đồng thời tăng được giá bán gạo của người sản xuất.

Những chính sách này đã kích thích nông dân đầu tư vào các công trình thủy lợi nhỏ và áp dụng giống mới ngăn ngừa, tăng suất cao; chỉ trong vòng 2 năm 88,89, mức sử dụng phân bón của nông dân đã tăng 20% do tăng vụ lúa mùa khô. Ngoài ra, nông dân còn tăng cường thâm canh, tăng năng suất và hạ giá thành sản phẩm. Nhờ vậy thu nhập của nông dân đã tăng 8,8% năm 1987, 19% năm 1988 và 12,4% năm 1989. Tổng sản lượng nội địa nông nghiệp (PIBA) đã tăng 0,5% năm 88 và 4,1% năm 89.

- Thứ đến, là các chính sách quan trọng khác kích thích sản xuất nông nghiệp và các khu vực xung quanh nó. Tất cả các chính sách này đều nhằm tạo vốn cho xuất khẩu (thúc đẩy gia tăng hoạt động thương mại, xuất khẩu) tạo vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ việc sản xuất, chế biến, bảo quản và xuất khẩu... Song song đó, nhà nước đầu tư vào các công trình thủy lợi lớn, thiết lập và thực hiện các dự án phát triển nông thôn và các chương trình dịch vụ, nghiên cứu và phổ biến kỹ thuật mới cho nông thôn. Đặc biệt là năm 88, chính phủ đã có chính sách ưu tiên về thuế để kích thích quá trình công nghiệp hoá nông thôn, kích thích các ngành công nghiệp du nhập vào nông thôn, vào các vùng ngoài thủ đô Bangkok (vốn quá đông dân).

Đó là những chính sách mang đến thành công cho Thái Lan. Bên cạnh phát triển đó, Thái Lan vẫn còn gặp phải những vấn đề tồn đọng của nền kinh tế.

- Trước tiên là vấn đề "mối quan hệ giữa sự phát triển và môi trường". Từ năm 1970, diện tích rừng phủ xanh của

Thái Lan giảm 38%. Trong vòng 20 năm trở lại đây, khoảng 380.000 ha đã bị phá mỗi năm, trong khi chỉ có 70.000 ha rừng được trồng mới trở lại mà thôi. Vì thế, năm 1988, nhà chức trách Thái Lan đã không còn nhượng bộ trước việc phá rừng nữa. Nhưng hiện nay, vấn đề lũ lụt và sụt lún đất đai trong một vùng rộng lớn miền Nam Thái Lan đã thực sự là mối nguy hiểm cho tính mạng con người và môi trường. Từ giữa những năm 70, Thái Lan đã là nước phải nhập khẩu gỗ nhiệt đới, và hiện nay, tình hình nhu cầu gỗ cũng còn khá căng thẳng, tuy chính phủ Thái Lan đã đạt được những nhượng bộ về việc khai thác rừng ở Miền Điện.

- Về ngành cá, Thái Lan mở rộng vùng biển đánh bắt từ vịnh Thái Lan đến eo biển Kra. Nhưng nay thì nguồn cá có lẽ cũng dần dần cạn kiệt. Do đó Thái Lan phải tiếp tục gia tăng nhập khẩu cá để làm nguyên liệu đóng hộp, và các đội tàu Thái phải ngày càng đi xa hơn vùng biển đánh bắt lâu đời của họ. Nguồn dự trữ cá và các nguồn tài nguyên khác là một vấn đề lớn đối với chính phủ Thái Lan.

- Cuối cùng, một vấn đề khá quan trọng là việc phát triển mối liên hệ giữa thành thị và nông thôn, giữa các thành phần dân cư. Thứ dự, theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, việc phân phối không công bằng đất đai và thu nhập đã làm một số lớn nông dân ngày càng nghèo đi. Hay việc thiếu thốn cơ sở hạ tầng tới cả ở nông thôn lẫn thành thị tiếp tục đặt ra các "vấn đề" và ảnh hưởng xấu đến quá trình phát triển dài hạn.

**MALAYSIA.** Giống như Thái Lan, Malaysia cũng có chiến lược phát triển kinh tế mở hướng ra bên ngoài. Từ đầu thập niên 80, Malaysia đã gặp phải khó khăn do giá dầu hỏa bất ổn, giá cả các loại sản phẩm xuất khẩu khác cũng giảm, các nước từng nhập hàng của Malaysia như Tây Âu đã nhập chậm và ít đi, việc tài trợ tài chính quốc tế ngày càng khó khăn hơn.

Malaysia có tổng sản lượng nội địa tăng 8,8% năm 1988 và 7,6% năm 1989, tỉ lệ lạm phát trong 3 năm gần đây không vượt quá 3%. Sản xuất nông nghiệp tăng 7% năm 87 và gần 4% năm 88. Năm 1989, khu

vực nông nghiệp chiếm 16% PIB và 30% lao động. Là nước sản xuất đào (amandes), cao su và thối nổi hàng đầu thế giới. Là nước xuất khẩu đầu thực vật, caosu, gỗ đứng đầu và xuất khẩu cacao đứng hàng thứ ba thế giới. Năm loại sản phẩm thuộc về tài nguyên thiên nhiên của Malaysia là cao su, thiếc, dầu mỏ, dầu thối nổi và gỗ đảm bảo 72% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 80 và đã giảm xuống chỉ còn 41% năm 88.

Hơn 80% đất nông nghiệp dành trồng trọt - 36% cho cao su, 34% cho thối nổi. Từ những năm 80, chính quyền bắt đầu quan tâm đến vấn đề quan hệ giữa rừng với môi trường và nền kinh tế. Do đó nhà nước đã tổ chức những hoạt động nghiên cứu và truyền bá việc bảo vệ rừng và áp dụng kỹ thuật mới nhằm tăng sản lượng gỗ... Cũng trong giai đoạn này, trong nông nghiệp, các dự án phát triển đều xoay quanh việc đổi mới các đồn điền, xây dựng công trình thủy lợi, mở rộng tiến bộ kỹ thuật, áp dụng giống mới và tăng cường sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu...

Hầu hết các loại cây trồng như cao su, thối nổi, cacao, lúa... đã được cải tiến giống, có năng suất cao. Chẳng hạn thối nổi có năng suất tăng lên 60% trong những năm 80. Việc sử dụng phân bón cũng tăng 50% trong những năm 80 và hiện đang có dự án thúc đẩy sử dụng nhiều phân bón trong những canh tác nhỏ.

Trong vòng nhiều năm nay, Malaysia đã giảm các chi tiêu cho các công trình nhà nước, áp dụng chế độ mềm dẻo trong việc cấp giấy phép đầu tư công nghiệp và đầu tư nước ngoài, tạo ra vốn đầu tư mới, đưa vào các chương trình tái tạo vốn tín dụng cho xuất khẩu, duy trì tỉ giá trao đổi cạnh tranh và cải cách cơ cấu thuế xuất khẩu. Như các thứ thuế xuất khẩu đã giảm 8% trong những năm 80; từ mức chiếm 18% tổng nguồn thu ngân sách năm 1980 xuống còn 6,5% năm 1988.

Chiến lược và các chính sách kinh tế của Malaysia đã giúp quốc gia này có thể đứng vững trước tình hình giá cả các sản phẩm cơ bản bị giảm. Chẳng hạn, khi giá dầu thối nổi giảm 2,9% mỗi năm trong

những năm 80, thì xuất khẩu của Malaysia về mặt hàng này vẫn tăng 8,5% tạo nên mức tăng trưởng tổng gộp hàng năm của kim ngạch xuất khẩu đầu thối nổi là 5,8%.

Những cố gắng hiện nay của Malaysia là tập trung củng cố các mô hình nông công nghiệp chuyên sử dụng các sản phẩm truyền thống của họ, để làm giảm bớt sự nghèo nàn của nông thôn, bằng cách đảm bảo tạo ra các sản phẩm mới có giá trị xuất khẩu cao, như trái cây, rau cải, thịt cá, và da nhưng hoá nên kinh tế, tăng thêm tiềm lực xuất khẩu. Mỗi đây, Malaysia đã trở thành nước xuất khẩu thịt, gia cầm và heo, nhưng thuế nhập khẩu các loại sản phẩm cần thiết cho chăn nuôi vẫn còn cao, nên đã kìm hãm sự mở rộng của ngành này.

**Kết luận:** Thái Lan và Malaysia đã đạt được sự phát triển nhờ xuất khẩu các sản phẩm chế biến (từ nông sản phẩm) và có một chiến lược phát triển theo hướng mở ra ngoài, ngày càng có thể cân đối được xuất và nhập khẩu, ổn định được tiền tệ, đã giúp cho công cuộc cải cách nông nghiệp thành công và giảm bớt các vấn đề tồn đọng ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Hai quốc gia này đều có chung một thành công: duy trì mức tăng trưởng của nền kinh tế và thu nhập của bộ phận dân nghèo. Chính phủ quan tâm đến việc nâng cao thu nhập của nông dân và nâng đỡ khu vực nông nghiệp bằng một hệ thống dịch vụ rộng rãi dựa trên nền kinh tế mở, với những chính sách kinh tế hợp lòng dân, kích thích sản xuất và nâng cao năng suất lao động.

Tuy nhiên, hiện nay sự cạn kiệt về nguồn tài nguyên và sự phân chia thu nhập giữa nông thôn với thành thị, giữa nông thôn với nông thôn ngày càng mất công bằng tạo ra mối đe dọa cho quá trình ổn định xã hội và phát triển kinh tế dài hạn ở các nước này.

Đó là những kinh nghiệm thành công cũng như còn hạn chế từ chính sách và chiến lược phát triển kinh tế của Thái Lan và Malaysia trong vòng 10 năm trở lại đây.

**DTP.**  
(Theo Situation de la production agricole, 1990, FAO)